

ĐỀ 04:

Thí sinh chỉ được chọn 1 trong 4 đáp án, trong trường hợp có nhiều đáp án phù hợp với yêu cầu thì **chỉ chọn đáp án đúng và đầy đủ nhất.**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu kể cả bảng hệ thống tuần hoàn.

Câu 1: Chọn phương án **đúng**:

Trong các phát biểu sau đây, các phát biểu đúng là:

- 1) Các nguyên tử có cùng điện tích hạt nhân Z và có số khối A khác nhau được gọi là các đồng vị.
- 2) Các đồng vị có cùng số proton nhưng khác số neutron.
- 3) Nguyên tử lượng của một nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn là nguyên tử lượng của đồng vị có hàm lượng cao nhất trong tự nhiên.
- 4) Hạt nhân nguyên tử của $^{89}_{39}\text{Y}$ có 39 neutron và 50 proton.

a) 1,4

b) 1,2

c) 2,3

d) 1,2,3

Câu 3: Chọn phương án **đúng**:

Dãy nguyên tử ${}_4\text{Be}$, ${}_7\text{N}$, ${}_{11}\text{Na}$, ${}_{12}\text{Mg}$ có bán kính R tăng dần theo dãy:

a) $R_{\text{N}} < R_{\text{Be}} < R_{\text{Mg}} < R_{\text{Na}}$

c) $R_{\text{Be}} < R_{\text{N}} < R_{\text{Na}} < R_{\text{Mg}}$

b) $R_{\text{Mg}} < R_{\text{Na}} < R_{\text{N}} < R_{\text{Be}}$

d) $R_{\text{Na}} < R_{\text{Mg}} < R_{\text{Be}} < R_{\text{N}}$

Câu 4: Chọn phương án **đúng**:

Nguyên tử của nguyên tố X có 5 electron ở lớp ngoài cùng và thuộc chu kỳ 4.

- 1) Cấu hình electron hóa trị của X là $4s^23d^3$.

- 2) X có điện tích hạt nhân $Z = 33$.

- 3) X thuộc chu kỳ 4, phân nhóm chính VB trong bảng hệ thống tuần hoàn.

- 4) Số oxy hóa dương cao nhất của X là $+5$.

a) 2,3,4

b) 2,4

c) 1,2,3

d) 1,3

Câu 5: Chọn phương án **đúng**:

Electron cuối của nguyên tử A có bộ các số lượng tử sau (quy ước electron điền vào các orbital theo thứ tự m_l từ $+l$ đến $-l$): $n = 3$, $l = 2$, $m_l = +1$, $m_s = +\frac{1}{2}$

Xác định số thứ tự trong bảng hệ thống tuần hoàn và công thức electron nguyên tử của A ở trạng thái cơ bản:

- a) $Z = 21$, A: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^3$
- b) $Z = 25$, A: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2 3d^5$
- c) $Z = 24$, A: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^1 3d^5$
- d) $Z = 22$, A: $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2 3d^2$

Câu 6: Chọn phương án **đúng**:

Trong ion ClO_2^- , kiểu lai hóa của nguyên tử Cl và dạng hình học của ion ClO_2^- là:

- a) sp^2 và gốc
- b) sp^3 và gốc
- c) sp và thẳng hàng
- d) sp^3d và thẳng

Câu 7: Chọn phương án **đúng**:

Cho: $_3\text{Li}$, $_4\text{Be}$, $_9\text{F}$, $_{11}\text{Na}$, $_{19}\text{K}$. Hãy sắp xếp các phân tử sau đây theo chiều tăng dần tác dụng phân cực của ion dương: 1) LiF 2) NaF 3) KF 4) BeF_2

- a) 3, 2, 1, 4
- b) 4, 2, 3, 1
- c) 1, 2, 3, 4
- d) 2, 3, 4, 1

Câu 8: Chọn phương án **đúng**:

- 1) Điện tích hạt nhân nguyên tử của bất kì nguyên tố nào về trị số bằng số thứ tự của nguyên tố đó trong bảng hệ thống tuần hoàn.
 - 2) Tính chất của đơn chất, thành phần và tính chất các hợp chất biến thiên tuần hoàn theo chiều tăng của điện tích hạt nhân.
 - 3) Trong bảng hệ thống tuần hoàn, phân nhóm IIIIB là phân nhom chứa nhiều nguyên tố nhất.
 - 4) Chu kỳ (ngoại trừ chu kỳ 1) là một dãy các nguyên tố, mở đầu là một kim loại kiềm và kết thúc là một khí hiếm.
- a) Chỉ các câu 2,3 đúng
 - b) Chỉ các câu 1,2 đúng
 - c) Tất cả cùng đúng
 - d) Chỉ các câu 3,4 đúng

Câu 9: Chọn phương án **đúng**:

Cấu hình không gian và cực tính của các phân tử và ion ($_7N$ là nguyên tử trung tâm):

- | | | | |
|---------------------------|----------------------------|--------|--------|
| 1) NON – thẳng, có cực | 2) NO_2 – góc, không cực | | |
| 3) NO_2^+ – góc, có cực | 4) NO_2^- – góc, có cực | | |
| a) 2,3 | b) 1,4 | c) 1,3 | d) 2,4 |

Câu 10: Chọn phương án **đúng**:

Dự đoán nguyên tử số của nguyên tố kim loại kiềm (chưa phát hiện) ở chu kỳ 8 của bảng HTTH.

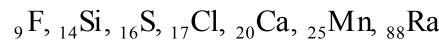
- | | | | |
|--------|--------|--------|--------|
| a) 137 | b) 119 | c) 105 | d) 147 |
|--------|--------|--------|--------|

Câu 11: Chọn phương án **sai**:

- 1) Năng lượng của orbital $2p_x$ khác năng lượng của orbital $2p_z$ vì chúng định hướng trong không gian khác nhau.
 - 2) Năng lượng của orbital $1s$ của oxy bằng năng lượng của orbital $1s$ của flor.
 - 3) Năng lượng của các phân lớp trong cùng một lớp lượng tử của nguyên tử Hydro thì khác nhau.
 - 4) Năng lượng của các orbital trong cùng một phân lớp thì khác nhau.
- | | |
|---------------------|-----------------|
| a) Tất cả cùng sai. | c) Chỉ 3,4 sai. |
| b) Chỉ 2,4 sai. | d) Chỉ 1,2 sai. |

Câu 12: Chọn phương án **đúng**:

Sắp xếp các nguyên tố sau theo thứ tự độ âm điện tăng dần:



- | | |
|-------------------------------------|-------------------------------------|
| a) $Ca < Ra < Mn < S < Si < Cl < F$ | c) $F < Cl < Si < S < Ca < Mn < Ra$ |
| b) $Mn < Ra < Ca < Si < S < Cl < F$ | d) $Ra < Ca < Mn < Si < S < Cl < F$ |

Câu 13: Chọn phương án **đúng**:

Chọn trục z là trục liên nhân, gọi tên các liên kết tạo thành từ sự xen phủ giữa các hóa trị theo thứ tự sau: 1) $3s \pm 3s$; 2) $3d_{xy} \pm 3d_{xy}$; 3) $3d_{x^2-y^2} \pm 3d_{x^2-y^2}$; 4) $3d_{xz} \pm 3d_{xz}$; 5) $3d_{yz} \pm 3d_{yz}$

- | |
|--|
| a) $\pi, \sigma, \delta, \sigma, \delta$ |
| b) $\sigma, \delta, \delta, \pi, \pi$ |
| c) $\delta, \pi, \pi, \sigma, \sigma$ |
| d) $\sigma, \delta, \pi, \delta, \pi$ |

Câu 14: Chọn phương án **đúng**:

Ion X^{2+} có phân lớp e cuối cùng là $3d^5$. Electron cuối cùng được xếp vào nguyên tử X có bộ 4 số lượng tử là: (Qui ước m_l từ $-l$ đến $+l$)

- a) $n = 4, l = 0, m_l = 0, m_s = -\frac{1}{2}$. c) $n = 3, l = 2, m_l = -1, m_s = -\frac{1}{2}$.
b) $n = 3, l = 2, m_l = +2, m_s = +\frac{1}{2}$. d) $n = 3, l = 2, m_l = +2, m_s = -\frac{1}{2}$.

Câu 15: Chọn phương án **sai**:

Liên kết Cl – O trong dãy các ion ClO^- , ClO_2^- , ClO_3^- , ClO_4^- có độ dài (\AA) tương ứng: 1,7; 1,64; 1,57 và 1,42. Từ đây suy ra theo dãy ion đã cho:

- a) Năng lượng liên kết tăng dần. c) Độ bền ion tăng dần
b) Bậc liên kết tăng dần. d) Tính bền của các ion giảm dần.

Câu 16: Chọn phương án **đúng**.

Nguyên tố X là kim loại, ở trạng thái oxi hóa dương cao nhất nó tạo được oxit có dạng X_2O_7 . Trong nguyên tử X có 4 lớp electron. Xác định số thứ tự của X trong bảng hệ thống tuần hoàn:

- a) 25 b) 35 c) 43 d) 17

Câu 17: Chọn phương án **đúng**: Ái lực electron của nguyên tố:

- a) Ái lực electron của F mạnh hơn của Cl.
b) Ái lực electron của nguyên tố là năng lượng phát ra (-) hay thu vào (+) khi kết hợp một electron vào nguyên tử ở thể khí không bị kích thích.
c) Ái lực electron của O^- mạnh hơn của O.
d) Ái lực electron của một nguyên tố có trị số bằng năng lượng ion hóa thứ nhất (I_1) của nguyên tố đó.

Câu 18: Chọn phương án **sai**:

- a) Số lượng tử phụ l xác định sự định hướng trong không gian của orbital nguyên tử.
b) Số lượng tử từ m_l có các giá trị từ $-l$ đến $+l$.
c) Số lượng tử chính n xác định kích thước của orbital nguyên tử.
d) Số lượng tử phụ l có các giá trị từ 0 đến $(n-1)$.

Câu 19: Chọn phát biểu **đúng**: Ion X^{2-} có phân lớp electron ngoài cùng là $3p^6$.

- 1) Cấu hình electron hóa trị của X là $3s^23p^4$.
2) X^{2-} có điện tích hạt nhân $Z = 18$.

3) X thuộc chu kỳ 3, phân nhóm chính VIA trong bảng hệ thống tuần hoàn.

4) X có số oxy hóa -2.

a) Các câu 1,3,4

c) Tất cả cùng đúng

b) Chỉ các câu 1,3 đúng

d) Chỉ các câu 2,4 đúng

Câu 20: Chọn chủ giải **đúng** của phương trình sóng Schrödinger:

$$\frac{\partial^2 \Psi}{\partial x^2} + \frac{\partial^2 \Psi}{\partial y^2} + \frac{\partial^2 \Psi}{\partial z^2} + \frac{8\pi^2 m}{h^2} (E - V) \Psi = 0$$

1) E là năng lượng toàn phần và V là thế năng của hạt vi mô phụ thuộc vào tọa độ x, y, z.

2) Đây là phương trình sóng mô tả sự chuyển động của hạt vi mô của hệ có sự thay đổi theo thời gian.

3) Khi giải phương trình sóng Schrödinger chỉ cần xác định hàm sóng $\psi(x, y, z)$ có những tính chất thỏa mãn phương trình đó.

a) 2,3

b) 1,3

c) 1,2

d) 1

Câu 21: Chọn phương án **đúng**:

Cho ${}_7N$, ${}_8O$. Cấu hình electron hóa trị của phân tử NO^+ là (x là trực liên kết):

a) $(\sigma_{2s})^2 (\sigma_{2s}^*)^2 (\pi_{2p_y} \pi_{2p_z})^4 (\sigma_{2p_x})^2$

c) $(\sigma_{2s})^2 (\sigma_{2s}^*)^2 (\pi_{2p_y} \pi_{2p_z})^4 (\sigma_{2p_x})^1 (\pi_{2p_y}^*)^1$

b) $(\sigma_{2s})^2 (\sigma_{2s}^*)^2 (\pi_{2p_y})^2 (\sigma_{2p_x})^2 (\pi_{2p_z})^2$

d) $(\sigma_{2s})^2 (\sigma_{2s}^*)^2 (\sigma_{2p_x})^2 (\pi_{2p_y} \pi_{2p_z})^4$

Câu 22: Chọn phương án **sai**:

a) Các ion của các nguyên tố nằm trong cùng một phân nhóm chính và có cùng điện tích có bán kính tăng theo chiều tăng điện tích hạt nhân.

b) Trong chuỗi ion đẳng điện tử (có số electron bằng nhau), khi số oxi hóa của ion tăng thì bán kính ion giảm.

c) Bán kính ion luôn nhỏ hơn bán kính nguyên tử.

d) Trong một chu kỳ, khi đi từ trái sang phải, bán kính của nguyên tố có xu hướng giảm dần.

Câu 23: Chọn phương án **đúng**:

Orbital 5f có các số lượng tử n, l và số electron tối đa lần lượt là:

a) n = 5; l = 1; 7

c) n = 5; l = 2; 10

b) n = 5; l = 0; 18

d) n = 5; l = 3; 14

Câu 24: Chọn phương án **đúng**:

Cho biết số electron tối đa và số lượng tử chính n của các lớp lượng tử O và Q:

- a) lớp O: 72e, n=6; lớp Q: 49e, n = 7 c) lớp O: 32e, n=4; lớp Q: 72e, n = 6
b) lớp O: 50e, n=5; lớp Q: 36e, n = 6 d) lớp O: 50e, n=5; lớp Q: 98e, n = 7

Câu 25: Chọn phương án **đúng**:

Nguyên tố A có cấu trúc electron phân lớp ngoài cùng là $4s^1$.

- a) A có số oxy hóa dương cực đại +1.
b) A có thể là kim loại hoặc phi kim loại.
c) A là nguyên tố ở chu kỳ 4.
d) A chỉ có một electron hóa trị.

Câu 26: Chọn phương án **đúng**:

Khả năng tạo số liên kết cộng hóa trị cực đại của nguyên tố được quyết định bởi:

- a) Số orbital nguyên tử ở lớp ngoài cùng.
b) Số electron hóa trị.
c) Số orbital nguyên tử hóa trị.
d) Số electron hóa trị độc thân ở trạng thái kích thích.

Câu 27: Chọn phương án **đúng**: ^{26}Fe , ^{27}Co và ^{28}Ni thuộc phân nhóm VIIIB nên có:

- a) Số electron của lớp electron ngoài cùng giống nhau.
b) Cấu hình electron hóa trị giống nhau.
c) Số electron hóa trị giống nhau.
d) Số electron hóa trị bằng số thứ tự nhóm.

Câu 28: Chọn phương án **đúng**: Các orbital lai hóa sp có đặc điểm:

- a) Hình dạng và năng lượng giống nhau nhưng định hướng không gian khác nhau và cùng nằm trên một đường thẳng
b) Hình dạng, năng lượng và định hướng không gian hoàn toàn giống nhau.
c) Hình dạng giống nhau nhưng năng lượng và định hướng không gian khác nhau.
d) Năng lượng bằng nhau, hình dạng và định hướng không gian khác nhau.

Câu 29: Chọn phương án **đúng**: Cho hai nguyên tử với các phân lớp e ngoài cùng là: X($3s^23p^1$) và Y($2s^22p^4$). Công thức phân tử của hợp chất giữa X và Y có dạng:

- a) XY₂ b) X₂Y₃ c) XY₃ d) X₃Y

Câu 30: Chọn phương án **đúng**: Hợp chất nào có momen lưỡng cực lớn nhất:

- a) NH_3
- b) CCl_4
- c) CS_2
- d) NF_3

Câu 31: Chọn phương án **đúng**:

Cho: ${}_3\text{Li}$, ${}_4\text{Be}$, ${}_5\text{B}$, ${}_6\text{C}$, ${}_7\text{N}$, ${}_8\text{O}$, ${}_9\text{F}$, ${}_{12}\text{Mg}$, ${}_{17}\text{Cl}$, ${}_{20}\text{Ca}$, ${}_{23}\text{V}$, ${}_{35}\text{Br}$, ${}_{53}\text{I}$. Các dãy sắp xếp theo tính cộng hóa trị **giảm dần** là:

- | | | | |
|--|--|-----------|-----------|
| 1) BeCl_2 , MgCl_2 , CaCl_2 | 2) V_2O_5 , VO_2 , V_2O_3 , VO | | |
| 3) Li_2O , B_2O_3 , CO_2 , N_2O_5 | 4) BF_3 , BCl_3 , BBr_3 , BI_3 | | |
| a) 1,2,3 và 4 | b) 1 và 2 | c) 2 và 3 | d) 3 và 4 |

Câu 32: Chọn phương án **đúng**: Trong bảng hệ thống tuần hoàn:

- 1) Số oxy hóa dương lớn nhất của các nguyên tố phân nhóm VIA và VIB là +6
- 2) Số oxy hóa dương lớn nhất của F là +7.
- 3) Số oxy hóa dương lớn nhất của các nguyên tố nhóm VIII (A và B) là +8.
- 4) Số oxy hóa âm nhỏ nhất của mọi nguyên tố bằng 8 trừ số thứ tự nhóm.

- a) 1, 2 đúng
- b) 2,4 đúng
- c) 1,3,4 đúng
- d) Chỉ 1 đúng

Câu 33: Chọn phương án **đúng**:

Ion X^{4+} có cấu hình electron cuối cùng là $3p^6$. Vậy giá trị của 4 số lượng tử của electron cuối cùng của nguyên tử X là (qui ước m_l có giá trị từ $-\ell$ đến $+\ell$)

- a) $n = 3, \ell = 2, m_l = +1, m_s = +\frac{1}{2}$
- b) $n = 3, \ell = 2, m_l = +1, m_s = -\frac{1}{2}$
- c) $n = 3, \ell = 2, m_l = -1, m_s = +\frac{1}{2}$
- d) $n = 4, \ell = 1, m_l = -1, m_s = -\frac{1}{2}$

Câu 34: Chọn phương án **đúng**:

Độ dài liên kết trong các tiểu phân NO , NO^+ và NO^- tăng dần theo thứ tự:

- a) $\text{NO} < \text{NO}^+ < \text{NO}^-$
- b) $\text{NO}^- < \text{NO} < \text{NO}^+$
- c) $\text{NO} < \text{NO}^- < \text{NO}^+$
- d) $\text{NO}^+ < \text{NO} < \text{NO}^-$

Câu 35: Chọn phương án **đúng**:

Dựa trên cấu hình electron hóa trị dưới đây, cho biết vị trí (chu kỳ, phân nhóm) của nguyên tố trong bảng hệ thống tuần hoàn: 1) $4d^{10}5s^1$ 2) $4f^66s^2$ 3) $4s^1$

- a) 1: CK 5, PN: IB; 2: CK 6, PN: IIA; 3: CK 4, PN: IA
- b) 1: CK 5, PN: IB; 2: CK 6, PN: IIIB; 3: CK 4, PN: IA
- c) 1: CK 5, PN: IA; 2: CK 6, PN: IIIB; 3: CK 4, PN: IB

d) 1: CK 5, PN: IA; 2: CK 6, PN: VIIIB; 3: CK 4, PN: IA

Câu 36: Chọn phương án **đúng**:

Trong các liên kết sau, liên kết có thể tồn tại bền vững trong thực tế là (coi trực liên nhau là trực x):

- | | | | |
|-----------------------|-------------------------|-------------------------|----------|
| 1) σ_{1s-2p_x} | 2) $\sigma_{2p_x-2p_x}$ | 3) $\sigma_{2p_z-2p_z}$ | |
| 4) $\pi_{2p_y-2p_z}$ | 5) $\pi_{4p_y-4p_y}$ | 6) $\pi_{3p_y-3d_{xy}}$ | |
| a) 1,2,3,4,5,6 | b) 1,2,5,6 | c) 3,4,5,6 | d) 1,2,6 |

Câu 37: Chọn phương án **đúng**:

Dựa vào các tính chất của liên kết cộng hóa trị theo phương pháp VB hãy dự đoán phân tử không thể tồn tại trong số các phân tử sau: SF_6 , BrF_7 , IF_7 , ClF_3 , OF_6 , I_7F

- a) OF_6 , I_7F b) SF_6 , BrF_7 c) BrF_7 , IF_7 d) ClF_3 , OF_6

Câu 38: Chọn phương án **đúng**:

- 1) Năng lượng ion hóa là năng lượng tỏa ra khi tách một electron khỏi nguyên tử ở thế khí không bị kích thích.
- 2) Đối với các ion đ ang electron, năng lượng ion hóa tỷ lệ nghịch với điện tích hạt nhân nguyên tử.
- 3) Các nguyên tố có cấu hình electron s^2 , p^3 và p^6 có ái lực electron nhỏ nhất.
- 4) Sự sai biệt giữa hai độ âm điện của A và B càng lớn thì liên kết A – B càng có cực.

- a) 1,2 b) 1,4 c) 2,3 d) 3,4

Câu 40: Nguyên tố X họ d ở chu kỳ 6, phân nhóm IIIB. Nguyên tố X có:

- a) $Z = 71$, là kim loại c) $Z = 57$, là kim loại
b) $Z = 57$, là phi kim loại d) $Z = 71$, là phi kim loại

Câu 41: Chọn phương án **đúng**:

Sắp xếp các hợp chất cộng hóa trị sau theo chiều tăng dần góc liên kết:

- | | | | |
|------------|-------------|-------------|-----------|
| 1) NO_2 | 2) NO_2^- | 3) NO_3^- | |
| a) 3, 1, 2 | b) 2,3, 1 | c) 1, 2, 3 | d) 3, 2,1 |

Câu 42: Chọn phương án **đúng**:

Trường hợp nào sau đây có bán kính ion lớn hơn bán kính nguyên tử:

- 1) Cs và Cs^+ 2) $^{37}Rb^+$ và ^{36}Kr 3) $^{17}Cl^-$ và ^{18}Ar

Câu 43: Chọn phương án **đúng:**

Trong các nguyên tố hóa học sau: ${}_3\text{Li}$, ${}_7\text{N}$, ${}_{17}\text{Cl}$, ${}_{23}\text{V}$, ${}_{35}\text{Br}$, ${}_{37}\text{Rb}$, ${}_{47}\text{Ag}$, ${}_{57}\text{La}$, ${}_{58}\text{Ce}$ và ${}_{60}\text{Nd}$

Câu 44: Chon phương án **đúng**: Ocbital nguyên tử là:

Câu 45: Chọn phương án **đúng**: Số oxy hóa của các nguyên tố trong HBrO_4 là:

- a) H: +1 ; O: -2 ; Br: +6
 - b) H: +1 ; O: -1 ; Br: +6
 - c) H: +1 ; O: -2 ; Br: +7
 - d) H: +1 ; O: -1 ; Br: +7

Câu 46: Chọn phương án **đúng:**

Xét những nguyên tử có điện tích hạt nhân $Z \leq 10$ ở trạng thái cơ bản. Các nguyên tử nghịch từ có điện tích hạt nhân bằng:

- a) 2,4,10 b) 3,5,9 c) 4,7,10 d) 4,6,8

Câu 47: Chọn phương án **đúng**. Nguyên tử X có tổng số hạt proton, neutron và electron là 36, số hạt không mang điện bằng nửa số hạt mang điện . Cấu hình e của nguyên tử X là:

- a)** $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1$. **c)** $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$.
b) $1s^2 2s^2 2p^6$. **d)** $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2$

Câu 49: Cấu hình electron hóa trị của ion $_{27}Co^{3+}$ ở trạng thái cơ bản là:

- a) $3d^6$ (không có e độc thân)
 - b) $3d^44s^2$ (không có e độc thân)
 - c) $3d^6$ (có e độc thân).
 - d) $3d^44s^2$ (có e độc thân)

Câu 50: Chọn phương án **đúng**:

Trong các ký hiệu phân lớp lượng tử sau, ký hiệu nào đúng:

Câu 51: Chọn phương án **đúng**:

Ocbital 1s của nguyên tử H có dạng hình cầu, nghĩa là:

- a) Xác suất găp electron 1s của H giống nhau theo mọi hướng trong không gian.
 - b) Khoảng cách của electron 1s đến nhân H luôn luôn không đổi.
 - c) Quỹ đạo chuyển động của e là hình cầu.
 - d) electron 1s chỉ di chuyển tại vùng không gian bên trong hình cầu ấy.

Câu 52: Chọn phương án **đúng**:

- 1) Hiệu ứng xâm nhập càng lớn khi các số lượng tử n và ℓ của electron càng nhỏ.

2) Một phân lớp bão hòa hay bán bão hòa có tác dụng chấn yếu các lớp bên ngoài.

3) Hai electron thuộc cùng một ô lượng tử chấn nhau rất yếu nhưng lại đẩy nhau rất mạnh.

a) 1, 3 b) 2,3 c) 1,2 d) 1,2,3